

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	927.6	103.6	49.9
% ngày	-0.70	-1.86	-0.24
% tuần	-1.57	-3.12	-0.46
% tháng	-6.35	-7.51	-4.02
% năm	20.89	5.90	-9.96
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,347.51	645.99	156.60
Hôm qua	3,702.68	590.06	227.53
TB 1 tháng	3,006.02	525.71	158.70
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	453.49	12.56	20.25
Bán	653.00	12.33	8.35
Giá trị ròng	(199.51)	0.23	11.90
Độ rộng TT			
Mã Tăng	142	84	70
Mã Giảm	131	91	79
Không Đổi	80	209	585
Chỉ số chính			
P/E	17x	11.1x	9.6x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,966	199	809
LS Cổ tức	2.08	2.74	4.18

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

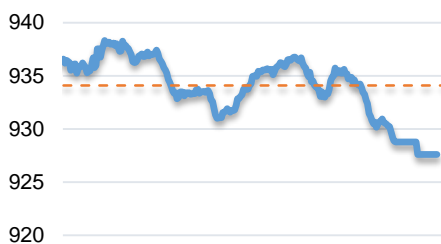
Thị trường trong phiên sáng vẫn có những đợt rung lắc nhẹ, càng về cuối phiên khi áp lực bán chốt lời tăng đột biến ở các nhóm ngành dẫn dắt như ngân hàng, chứng khoán,... đã làm tất cả chỉ số giảm ở mức thấp nhất trong phiên. Chỉ số VN-Index giảm 0.7% đóng cửa ở mức 927.6 điểm, chỉ số HNX-Index giảm 1.86% tại mức thấp nhất 103.6 điểm. Thanh khoản trong phiên có phần sụt giảm tuy nhiên không có chênh lệch nhiều so với phiên trước.

Nhóm ngân hàng như ACB, BID, MBB, HDB, SHB, VCB, VPB... đều đồng loạt giảm sâu và tạo áp lực rất lớn kéo các chỉ số thị trường lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Nhóm chứng khoán, áp lực bán cũng rất mạnh, các mã đầu ngành như SSI, HCM, VND hay VCI đều chìm trong sắc đỏ. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn khác trên thị trường là VIC, VJC, VRE, VCS, SAB, ROS... cũng đồng loạt giảm sâu.

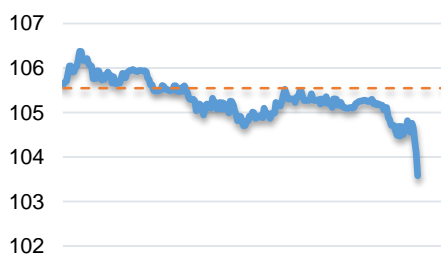
Điểm nhấn của thị trường trong phiên hôm nay là dòng tiền chảy mạnh vào nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. FLC phiên hôm nay khớp lệnh đột biến 26,8 triệu cổ phiếu trong khi dư mua giá trần là 12,3 triệu cổ phiếu. Các mã như FLC, QCG, HAR, HVG, DLG, AGR, HAI, FTM... đều đồng loạt tăng trần. Và hôm nay cặp đôi HNG và HAG chịu áp lực chốt lời trong phiên làm cho HAG chỉ còn tăng 0.6% và HNG giảm 0.6%.

Khối ngoại bán ròng trên sàn HSX gần 200 tỷ đồng trong phiên. Tuy nhiên, lượng bán ròng tập trung chủ yếu ở những cổ phiếu lớn như: VRE 146 tỷ, HPG 52 tỷ. Nếu loại trừ các khoảng này thì khối ngoại hiện nay vẫn đang mua ròng như ở những mã VNM 37 tỷ, MSN 20 tỷ...

VNINDEX



HNX INDEX



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy quanh vùng giá 930 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, chúng tôi đánh giá lực cầu bắt đáy có thể sẽ tăng dần trong vài phiên tới khi nhiều cổ phiếu đang rơi vào trạng thái quá bán. Điểm tích cực là dòng tiền tiếp tục có xu hướng tập trung ở nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps, đặc biệt tâm lý nhà đầu tư tiếp tục lạc quan và dòng tiền có sự phân hóa rõ nét. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng trên 60% danh mục cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng và củng cố xu hướng tăng ngắn hạn của thị trường.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 903.53 điểm của chỉ số VN-Index và 100.99 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 63% cổ phiếu/37% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.35	GIẢM	GIẢM		18.57				21.24		
ACB	34.00	TĂNG	GIẢM	35.60	32.43	-4.49%			41.80		
ACV	80.30	GIẢM	GIẢM		84.10				96.67		
BFC	26.20	TĂNG	GIẢM	27.00	24.61	-2.96%			28.97		
BHN	82.20	GIẢM	GIẢM		91.26				113.09		
BID	23.60	TĂNG	GIẢM	25.80	23.15	-8.53%			31.14		
BMP	54.80	GIẢM	GIẢM		56.83				63.44		
BSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.80	14.28	-7.59%			20.28		
BVH	75.00	GIẢM	GIẢM		78.66				92.24		
BWE	18.20	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	2.82%			19.20		
CEO	12.60	TĂNG	GIẢM	13.40	11.78	-5.97%			15.97		
CHP	23.25	TĂNG	GIẢM	23.50	22.69	-1.06%		23.50	23.35	-0.63%	
CSM	13.50	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-6.19%	
CTD	147.50	TĂNG	TĂNG	149.50	140.84	-1.34%		161.20	128.22	-8.50%	
CTG	22.80	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-5.00%			28.07		
CTI	30.00	TĂNG	GIẢM	29.60	28.63	1.35%			33.12		
CVT	24.10	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-6.77%			29.58		
DGW	22.90	TĂNG	GIẢM	23.90	21.72	-4.18%			26.51		
DHA	27.30	TĂNG	GIẢM	28.00	25.50	-2.50%			28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.57				45.76		
DHG	99.00	GIẢM	TĂNG		104.66			114.49	96.90	-13.53%	
DPG	38.50	GIẢM	GIẢM		39.39				55.77		
DPM	18.10	TĂNG	GIẢM	17.70	16.93	2.26%			18.72		
DPR	38.90	GIẢM	GIẢM		39.34				41.40		
DQC	31.00	GIẢM	GIẢM		33.01				35.41		
DRC	22.80	GIẢM	GIẢM	23.70	22.80	-3.79%	BÁN	24.30	23.95	-1.44%	MUA
DXG	24.10	TĂNG	GIẢM	23.75	21.57	1.47%			29.38		
ELC	8.92	GIẢM	GIẢM		9.64				11.48		
FCN	15.80	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-10.73%	
FIT	4.90	TĂNG	GIẢM	4.36	4.33	12.39%			5.21		
FMC	20.60	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	-2.83%			23.95		
FPT	42.40	TĂNG	GIẢM	42.90	39.73	-1.17%			49.37		
GAS	83.70	GIẢM	GIẢM		85.02				103.15		
GIL	40.50	TĂNG	TĂNG	41.65	39.95	-2.76%		34.90	40.00	16.05%	
GMD	24.00	TĂNG	GIẢM	25.40	23.70	-5.51%			28.65		
GTN	11.90	TĂNG	TĂNG	9.20	9.90	29.35%			10.50		
HAG	7.12	TĂNG	TĂNG	5.01	6.21	42.12%		6.19	5.68	15.02%	MUA
HAX	16.80	TĂNG	GIẢM	17.60	16.54	-4.55%			18.67		



We Create Fortune

HBC	21.55	TĂNG	GIẢM	22.95	21.17	-6.10%		27.24		
HDB	33.50	GIẢM	GIẢM		36.09			42.95		
HNG	16.40	TĂNG	TĂNG	8.36	14.53	96.17%	8.20	9.63	100.00%	
HPG	35.50	TĂNG	GIẢM	37.20	34.60	-4.57%		42.50		
HSG	10.90	TĂNG	GIẢM	11.55	10.50	-5.63%		13.38		
HT1	12.30	TĂNG	GIẢM	11.75	11.05	4.68%		12.91		
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.43			6.72		
HVN	32.20	TĂNG	GIẢM	33.00	30.59	-2.42%		39.08		
ITD	11.90	GIẢM	TĂNG		12.63		12.40	11.14	-4.03%	
KBC	12.00	TĂNG	GIẢM	12.10	11.22	-0.83%		13.24		
KDH	30.10	GIẢM	GIẢM		30.29			33.78		
KSB	31.00	GIẢM	GIẢM		33.06			38.47		
LCG	9.01	GIẢM	GIẢM		9.34			10.28		
LDG	12.50	TĂNG	GIẢM	12.05	11.44	3.73%		15.06		
LIX	40.20	GIẢM	GIẢM		42.07			45.17		
LPB	10.20	GIẢM	GIẢM		11.07			13.11		
LSS	6.97	GIẢM	GIẢM		7.66			8.46		
MSN	81.00	TĂNG	GIẢM	79.10	74.74	2.40%		90.22		
MWG	110.50	TĂNG	TĂNG	112.00	105.81	-1.34%	121.00	104.78	-8.68%	
NKG	14.35	TĂNG	GIẢM	14.80	14.04	-3.04%		17.58		
NLG	30.15	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	1.17%		31.83		
NT2	26.20	GIẢM	GIẢM		27.57			28.69		
NTL	9.75	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.80%	10.45	8.94	-6.70%	
NTP	42.30	GIẢM	GIẢM		45.60			51.18		
PAC	39.60	TĂNG	GIẢM	42.50	38.47	-6.82%		42.18		
PC1	32.40	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.31%		34.50		
PDR	25.15	GIẢM	GIẢM		26.83			29.57		
PGC	14.25	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.70%		15.68		
PHR	20.00	GIẢM	GIẢM		20.56			23.77		
PLX	56.90	GIẢM	GIẢM		58.15			67.88		
PNJ	92.00	TĂNG	GIẢM	90.30	87.45	1.88%		103.44		
POW	12.60	TĂNG	GIẢM	13.00	11.64	-3.08%		13.91		
PPC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.50	17.52	-2.70%		19.21		
PTB	62.80	TĂNG	GIẢM	59.40	62.49	5.72%	64.00	63.62	-0.59%	MUA
PVD	13.50	TĂNG	GIẢM		13.19			16.65		
PVI	29.00	GIẢM	GIẢM		29.82			33.76		
PVS	17.40	TĂNG	GIẢM	17.00	15.67	2.35%		20.82		
PXS	4.85	GIẢM	GIẢM		5.09			6.15		
RAL	85.20	GIẢM	GIẢM		92.89			110.00		
REE	33.60	TĂNG	GIẢM	32.80	31.91	2.44%		34.97		
SAB	207.00	GIẢM	GIẢM		219.97		252.40	207.41	-17.83%	BÁN
SAM	6.80	GIẢM	GIẢM		6.99			7.64		
SBV	26.40	TĂNG	GIẢM	27.00	26.29	-2.22%		29.55		



We Create Fortune

SCR	9.18	TĂNG	GIẢM	8.75	8.18	4.91%			10.30	
SHI	6.52	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-6.86%		6.99	5.88	-6.72%
SJS	19.70	TĂNG	GIẢM	19.70	19.53	0.00%	MUA		21.87	
SKG	20.40	TĂNG	GIẢM	20.05	19.28	1.75%			21.27	
SSI	26.50	GIẢM	GIẢM		29.51				34.19	
STB	11.20	TĂNG	GIẢM	11.20	10.73	0.00%			12.71	
SVC	44.50	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74	
TCM	18.80	TĂNG	GIẢM	17.80	17.63	5.62%			20.79	
TDH	11.85	GIẢM	GIẢM		12.71				14.78	
TLH	7.65	GIẢM	GIẢM		8.15				9.04	
TMT	5.19	GIẢM	GIẢM		6.13				8.59	
TNG	11.30	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	4.63%			11.90	
TYA	10.45	GIẢM	GIẢM		11.34				12.65	
VCB	55.30	TĂNG	GIẢM	57.50	53.06	-3.83%			64.41	
VFG	37.60	GIẢM	TĂNG		40.21			34.39	33.47	9.32%
VGC	17.60	GIẢM	GIẢM		19.28				22.65	
VHM	106.50	GIẢM	TĂNG		113.04					
VIB	26.80	TĂNG	GIẢM	27.60	25.83	-2.90%			30.67	
VIC	104.40	GIẢM	GIẢM		109.85				109.53	
VIP	6.90	TĂNG	GIẢM	6.95	6.48	-0.72%			7.29	
VJC	136.00	GIẢM	GIẢM		141.22				154.12	
VNM	169.90	GIẢM	GIẢM		173.68				184.77	
VPB	26.30	GIẢM	GIẢM		30.12				33.19	
VRC	19.30	TĂNG	TĂNG	17.75	16.86	8.73%			19.26	
VRE	41.00	TĂNG	GIẢM	43.00	38.75	-4.65%			44.98	
VSC	34.20	GIẢM	TĂNG		34.71			35.30	29.50	-3.12%
VSH	17.20	TĂNG	TĂNG	17.20	16.75	0.00%		17.40	16.36	-1.15%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	927.58	(0.70)
VN30	915.68	(0.85)
VN Mid	966.79	0.31
VN Small	801.62	0.58

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	453.49	
Bán	653.00	
GT ròng	(199.51)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	1,150	7.0%
FLC	390	7.0%
QCG	620	7.0%
HAR	380	6.9%
DLG	190	6.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BID	(1,200)	-4.8%
CII	(1,000)	-3.6%
ROS	(1,550)	-3.5%
VND	(600)	-3.4%
SSI	(900)	-3.3%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	333,205	
VHM	285,379	
VNM	246,567	
VCB	198,957	
GAS	160,198	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	26.85	8.86
HAG	19.47	9.51
ASM	8.41	2.65
HPG	5.72	5.27
HAI	5.38	0.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	103.58	(1.86)
HN30	186.72	(1.93)
VNX AllSh	1,314.93	(0.65)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.56	
Bán	12.33	
GT ròng	0.23	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	100	8.3%
VIX	200	3.0%
VC3	100	0.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTB	(1,700)	-7.7%
L14	(2,500)	-6.9%
VGC	(900)	-4.9%
CEO	(600)	-4.5%
SHS	(600)	-4.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,873	
VCS	13,952	
SHB	9,505	
VGC	7,891	
PVS	7,773	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KLF	9.37	1.15
SHB	4.50	5.88
ACB	4.48	5.00
PVX	4.34	0.86
PVS	3.99	3.69

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	49.93	(0.24)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	20.25	
Bán	8.35	
GT ròng	11.90	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	400	4.1%
SSN	200	1.3%
MCH	1,000	1.1%
HVN	300	0.9%
SCS	1,000	0.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	(300)	-3.3%
VIB	(700)	-2.5%
BSR	(200)	-1.4%
ACV	(100)	-0.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	174,824	
MCH	49,325	
BSR	45,267	
HVN	40,188	
GVR	32,800	

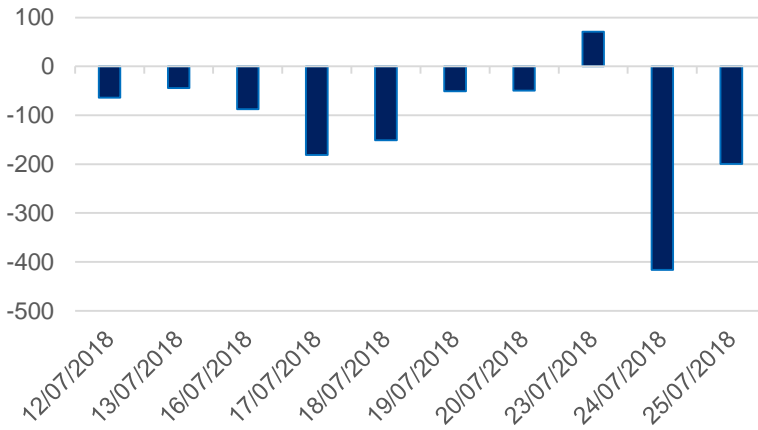
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	3.12	1.34
LPB	2.16	1.45
POW	1.13	1.17
BSR	0.64	1.28
VGT	0.62	0.23

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

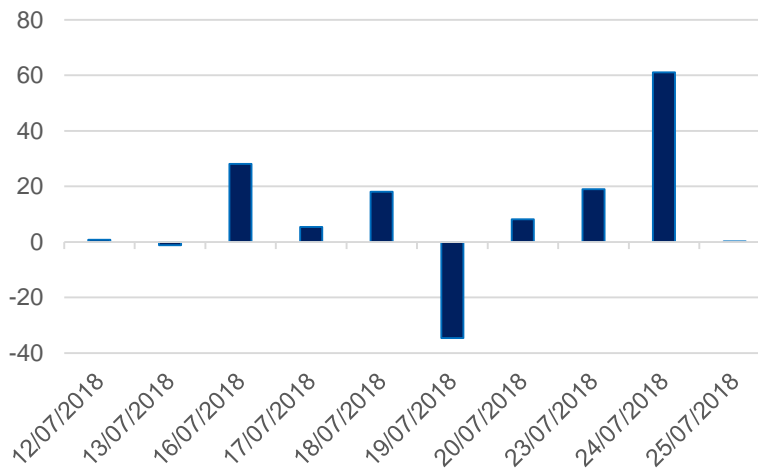
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	37,138	VRE	(145,686)
MSN	19,792	HPG	(52,465)
DXG	8,986	PVD	(19,490)
BVH	7,380	DPM	(18,665)
HCM	5,784	VJC	(14,158)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

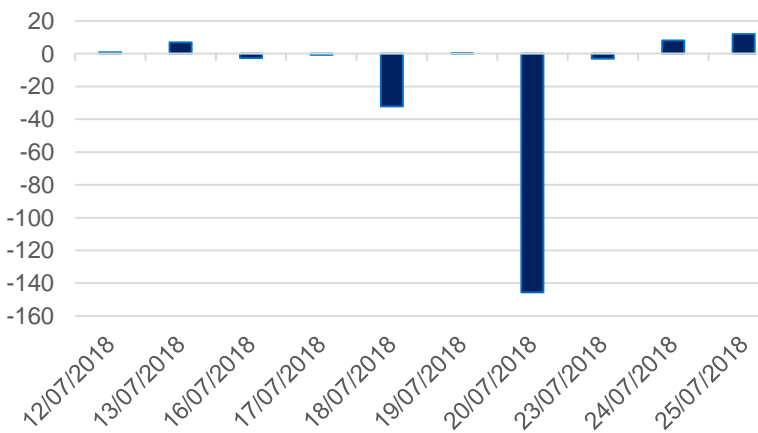
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	6,049	D11	(9,285)
PCG	1,960	DGC	(264)
SHS	543	DGL	(194)
MBS	493	AAV	(128)
LHC	348	HGM	(90)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	7,349	BSR	(3,374)
QNS	5,189	VGT	(2,384)
HVN	4,102	OIL	(981)
VEA	1,288	ART	(534)
ACV	766	NCS	(19)

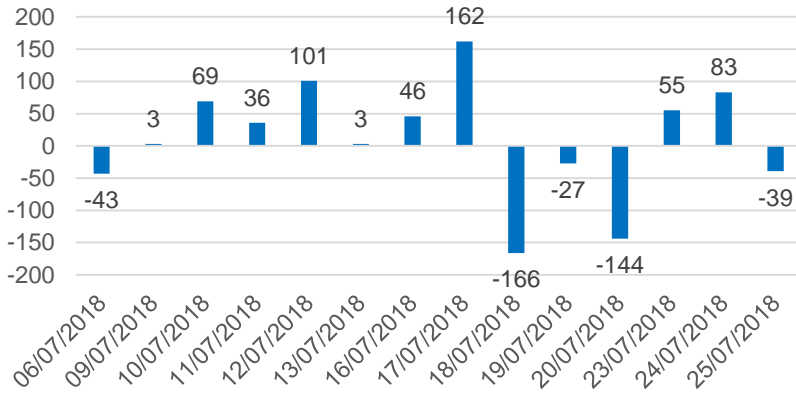
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

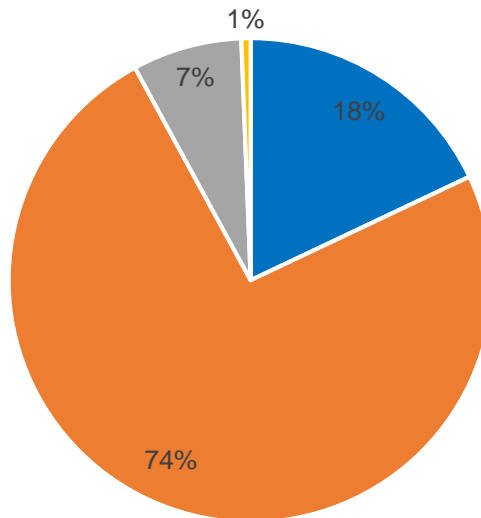


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
MSN	66,329	MSN	78,625
NVL	43,174	VPB	66,919
VIC	25,137	PNJ	51,306
MBB	24,402	NVL	41,297
MWG	18,647	HPG	11,114

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



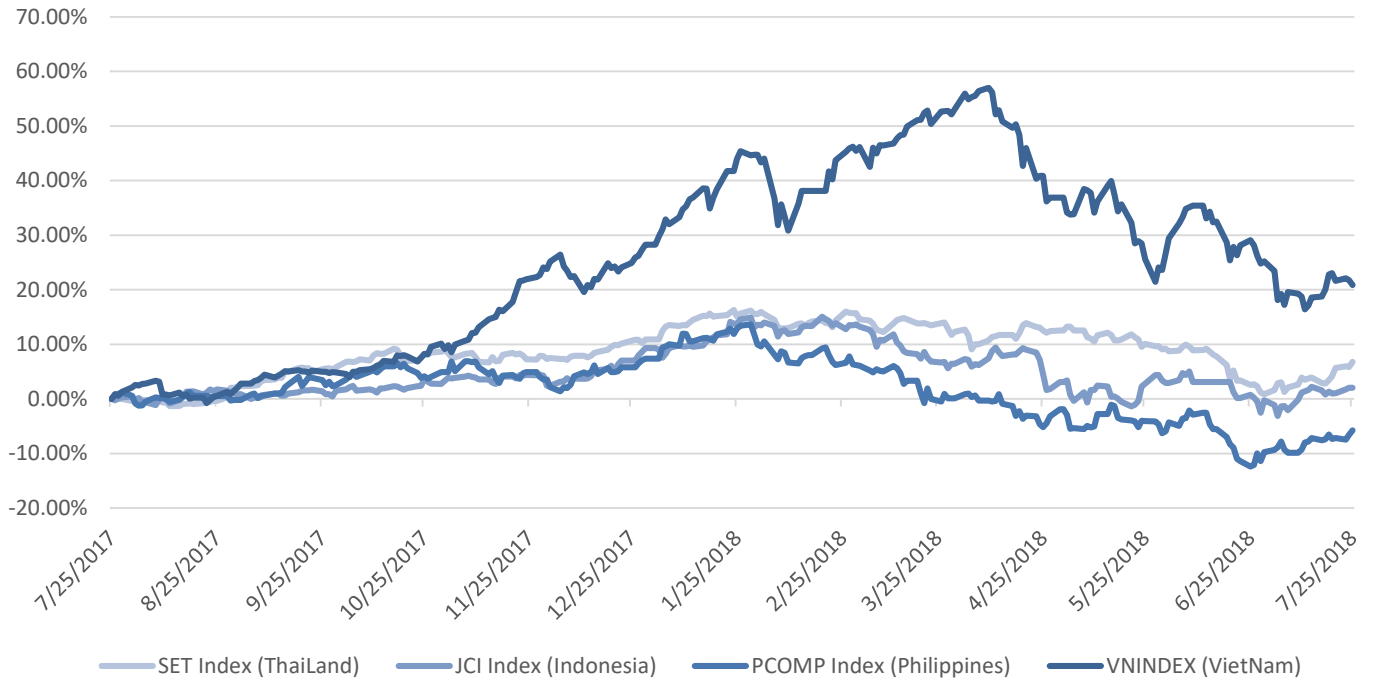
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

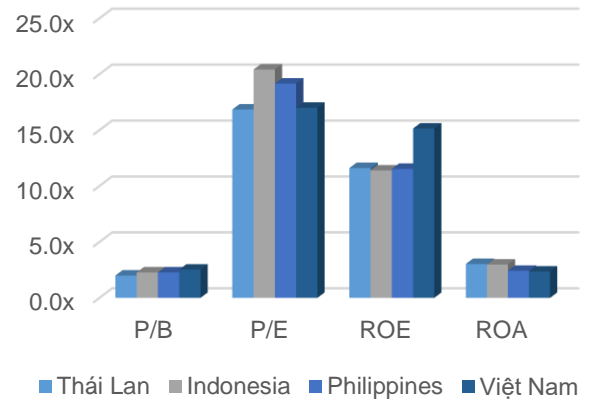
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.3x	2.5x
P/E		16.8x	20.4x	19.2x	17.0x
ROE	%	11.61	11.39	11.54	15.15
ROA	%	3.03	2.98	2.42	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	506.31	463.18	173.89	127.94
GTGD	Triệu USD	1.51	0.35	0.06	0.14
LS cổ tức	%	3.07	2.30	1.67	2.08

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written